

Bản án số: 77/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-10-2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Lê Văn La

Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2018/QĐXXST-DS ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mạc Hoàng N, sinh năm 1978 (có mặt)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1982 (có mặt)

Đều cư trú: Thôn T, xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện không công nhận vợ chồng đề ngày 13/8/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Mạc Hoàng N trình bày: Tôi chung sống như vợ chồng với chị N ngày 19/12/1999, nhưng không đăng ký kết hôn vì khi đó chị N chưa đủ tuổi đăng ký (thiếu 1 tháng), mà chỉ hai gia đình có tổ chức đám cưới, cưới xong chị N về gia đình tôi làm ăn ngay. Quá trình chung sống như vợ chồng, giữa tôi và chị N hòa thuận đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế không thống nhất, nên năm 2002 chị N bỏ về mẹ đẻ ở tôi đón gọi thì năm 2003 chị N lại về chung sống. Đến năm 2007 chị N lại bỏ đi vài tháng sau lại về chung sống; đến năm 2009 chị N lại bỏ đi 3 tháng sau đó lại về chung sống; đến năm 2010 lại bỏ đi đến năm 2011 lại về chung sống; Năm 2016 chị N lại bỏ nhà về nhà mẹ đẻ ở đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm như vợ chồng giữa tôi và chị N không còn, nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố tôi và chị N không phải là vợ chồng.

Về con chung: Tôi chung sống như vợ chồng với chị N đã sinh được 3 con chung là Mạc Thị Hoài L, sinh ngày 04/9/2000; Mạc Thị Hoài A, sinh ngày 18/11/2003 và

Mạc Minh Q, sinh ngày 02/11/2012, hiện cháu Hoài L và Hoài A đang ở cùng chị N, còn cháu Q đang ở cùng tôi, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay tôi không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Hoài L vì cháu L đã lớn trên 18 tuổi; tôi xin nuôi cả cháu Hoài A và cháu Q, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện tôi đang làm trang trại chăn nuôi lợn ở thôn T, xã D, huyện Lạng Giang vì tôi mới làm được 1 năm nên chỉ có thu nhập tạm thời 7.000.000đ/ 1 tháng, cũng đảm bảo được việc nuôi con.

Về tài sản: Tôi và chị N không có tài sản gì đáng giá, nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N xác định một phần lời khai của anh N trình bày về thời gian chung sống như vợ chồng và con chung là đúng. Quá trình chung sống như vợ chồng, tôi và anh N hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tôi đi ăn cỗ không gọi điện về nhà, mà hôm sau tôi về thì anh N đánh và đuổi tôi, tháng 3/2005 tôi bỏ về mẹ đẻ ở 10 ngày vì nhớ con tôi quay về thì anh N hứa sẽ làm lại từ đầu, nhưng anh N không thay đổi, đến tháng 5/2007 anh N đã đánh đuổi tôi, tôi về mẹ đẻ 1 tháng vì nhớ con tôi lại quay về nhưng anh N vẫn không thay đổi tính nết, nên tôi bỏ đi làm ở Đình Trám sau đó anh N gọi điện tôi về, đến ngày 4 tết năm 2010 tôi quay về chung sống và sinh thêm cháu thứ 3 ở nhà làm cùng anh N, nghĩ anh N đã thay đổi tính nết biết lo nghĩ cho con, nhưng sau đó anh N đã không thay đổi tính nết nên năm 2016 tôi đã đưa con về mẹ đẻ ở và đi làm công nhân ở Công ty VINA MOON CHANG ở phường Xương Giang, TP Bắc Giang, thu nhập bình quân 4.500.000đ một tháng. Nay tôi thấy tình cảm như vợ chồng giữa tôi với anh N không còn, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa tôi với anh N.

Về con chung; như anh N trình bày là đúng, tôi nhất trí ý kiến anh N là không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Hoài L vì cháu đã lớn trên 18 tuổi, cháu làm gì và ở với ai là quyền của cháu. Tôi xin được nuôi cháu Hoài A và cháu Q, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; chúng tôi xin tự thỏa thuận, nếu sau này không tự phân chia được tôi sẽ đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh N, chị N đều có mặt, giữ nguyên yêu cầu trên.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, anh N, chị N, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hướng đề xuất: Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận anh Mạc Hoàng N và chị Nguyễn Thị Kim N là vợ chồng. Về con chung: Xử giao anh N nuôi cháu Q, chị N nuôi cháu Hoài A. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản; các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Mạc Hoàng N phải chịu

300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0006709 ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Anh Mạc Hoàng N, sinh năm 1978 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1982; điều cư trú: Thôn T, xã D, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; đề nghị Tòa án giải quyết về con chung; không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Như vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, phạm vi khởi kiện; đề nghị không công nhận vợ chồng, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và tài sản, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mạc Hoàng N chung sống như vợ chồng với chị Nguyễn Thị Kim N ngày 19/12/1999, nhưng không đăng ký kết hôn vì khi đó chị N chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống như vợ chồng giữa anh N và chị N hòa thuận đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau, nên trong cuộc sống và trong công việc làm ăn hằng ngày, giữa hai người thường xảy ra mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau. Nay xét thấy tình cảm như vợ chồng giữa 2 người không còn, cả anh N và chị N đều đề nghị Tòa án tuyên bố anh N và chị N không phải là vợ chồng. HĐXX xét thấy yêu cầu trên của anh N và chị N là phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cần tuyên bố không công nhận anh N và chị N là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng thì anh N và chị N sinh được 3 con chung là Mạc Thị Hoài L, sinh ngày 04/9/2000; Mạc Thị Hoài A, sinh ngày 18/11/2003 và Mạc Minh Q, sinh ngày 02/11/2012, hiện cháu Hoài L và Hoài A đang ở cùng chị N, còn cháu Q đang ở cùng anh N, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay cả anh N và chị N đều không đề nghị Tòa án giải quyết đối với cháu Hoài L vì cháu L đã lớn trên 18 tuổi; chỉ đề nghị giải quyết đối với cháu Hoài A và cháu Q. Cả anh N và chị N đều xin được nuôi cháu Hoài A và cháu Q. HĐXX xét thấy các bên đều có điều kiện nuôi con như nhau, cháu Hoài A xin được ở với mẹ, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con trẻ, cần giao anh N nuôi cháu Q, giao chị N nuôi cháu Hoài A; về cấp dưỡng nuôi con các bên không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Xét là phù hợp điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả anh N và chị N đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Mạc Hoàng N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận anh N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0006709 Ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng Điều 28; 35; 147; 235; 264; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 14; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận anh Mạc Hoàng N và chị Nguyễn Thị Kim N là vợ chồng.

2/ Về nuôi con chung: Xử giao anh Mạc Hoàng N nuôi con chung là Mạc Minh Q, sinh ngày 02/11/2012; giao chị Nguyễn Thị Kim N nuôi con chung là Mạc Thị Hoài A, sinh ngày 18/11/2003; anh N và chị N được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh N và chị N thực hiện quyền này.

3/ Về án phí: Anh Mạc Hoàng N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0006709 Ngày 27/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang
- Chi cục THA huyện Lạng Giang
- UBND xã D, huyện Lạng Giang
- Các đương sự
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Thân Trọng Khôi